

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Tổ chức và quản lý giao thông vận tải

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐINH GIA HUY**

2. Ngày tháng năm sinh: 16/01/1987; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Quang Trung, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 39A đường Cô Bắc, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 37 đường Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0946888333; E-mail huy.dinh@ut.edu.vn.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2010 đến 2014: Giảng viên, Khoa Hàng hải trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Từ năm 2014 đến 2017: Nghiên cứu sinh, ngành Hệ thống vận tải Hàng hải, Đại học Hàng hải Quốc gia Mokpo.

Từ năm 2017 đến 06/2019: Giảng viên, Khoa Hàng hải trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Từ tháng 06/2019 đến 01/2022: Giảng viên, Viện Hàng hải, trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM.

Từ tháng 01/2022 đến 05/2023: Phụ trách Bộ môn Quản lý cảng và logistics, Viện Hàng hải, trường Đại học Giao thông vận tải TP.HCM.

Từ tháng 05/2023 đến 07/2024: Phó Viện trưởng phụ trách Viện Đào tạo sau đại học, Đại học Giao thông vận tải TP.HCM.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 07/2024 đến nay: Viện trưởng, Viện Đào tạo sau đại học, Đại học Giao thông vận
tải TP. HCM

Chức vụ hiện nay: Viện trưởng viện đào tạo sau đại học; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện
trưởng viện đào tạo sau đại học.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giao thông vận tải TP. HCM.

Địa chỉ cơ quan: Số 2, Đường Võ Oanh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.

Điện thoại cơ quan: 028 3899 2862

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ...năm ...: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày **25 tháng 02 năm 2010**; số văn bằng: 00090629; ngành: Điều
khiển tàu biển, chuyên ngành: Điều khiển tàu biển; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường
Đại học Hàng hải Việt Nam, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày **28 tháng 12 năm 2012**; số văn bằng: A040227; ngành: Điều
khiển tàu biển, chuyên ngành Điều khiển tàu biển; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường
Đại học Hàng hải Việt Nam, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày **25 tháng 08 năm 2017**; số văn bằng: 목포해양대2016(박)0010;
ngành: Hệ thống vận tải hàng hải, chuyên ngành: Hệ thống an toàn hàng hải; Nơi cấp bằng
TS (trường, nước): Trường Đại học Hàng hải Quốc gia Mokpo, Hàn Quốc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ...,

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học
Giao thông vận tải TP. HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao
thông vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng 1: Phát triển Hệ sinh thái Logistics hàng hải bền vững** (được công bố các
bài báo số: [6], [7], [8], [10], [20], [21], [25], [26], [27], [33], [34], [37], [38], [40], [41],
[42], [43], [45])

- **Hướng 2: Tối ưu Hệ thống giao thông hàng hải thông minh, an toàn và bền vững**
(được công bố các bài báo số: [1], [2], [3], [4], [5], [9], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17],
[18], [19], [22], [23], [24], [28], [29], [30], [31], [32], [35], [36], [39], [44])

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn **06** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không
cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **02** đề tài cấp cơ sở (chủ nhiệm đề tài, đã
nghiệm thu)

- Đã công bố **45** bài báo khoa học, trong đó **10** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy
tín;

- Số lượng sách đã xuất bản **01** quyển (giáo trình), trong đó **01** thuộc nhà xuất bản có uy tín;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp Trường năm 2020
- Giấy khen đóng góp tích cực trong công tác tổ chức hội thảo quốc gia (2024, 2025).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về đạo đức, tác phong nhà giáo: Với tư cách là nhà giáo, ứng viên luôn đặt việc giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự nghề nghiệp lên hàng đầu. Tinh thần đoàn kết, sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp trong công tác và cuộc sống là nguyên tắc ứng viên luôn theo đuổi. Đối với người học, ứng viên thực hiện nghiêm túc việc tôn trọng, đối xử công bằng và bảo vệ các quyền lợi chính đáng của họ, đồng thời luôn sẵn lòng giúp đỡ khi cần thiết. Là đảng viên, ứng viên luôn nghiêm túc chấp hành mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Mọi nhiệm vụ đều được thực hiện đúng quy định, kèm theo đó là nỗ lực không ngừng trong việc học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị để áp dụng hiệu quả vào hoạt động giảng dạy, giáo dục, đáp ứng xuất sắc các yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Trong lĩnh vực giảng dạy, ứng viên tự hào đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy ở nhiều cấp đào tạo từ cử nhân đến thạc sĩ, với số giờ giảng luôn đạt hoặc hơn định mức chuẩn trong các năm học. Đặc biệt, ứng viên đã hướng dẫn thành công nhiều học viên bảo vệ luận văn và đề án tốt nghiệp thạc sĩ. Song song với đó, ứng viên tích cực tham gia xây dựng chương trình đào tạo, mở ngành và chuyên ngành mới góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Hoạt động nghiên cứu khoa học của ứng viên được thể hiện qua việc tham gia nhiều nhóm nghiên cứu và đề tài các cấp với nhiều vai trò khác nhau, từ chủ nhiệm đến thành viên. Ứng viên đã có những đóng góp đáng kể trong việc tư vấn và trực tiếp xây dựng giáo trình, tài liệu giảng dạy, trong đó có một giáo trình đã được đưa vào sử dụng chính thức. Các công bố khoa học của ứng viên phân bố trên nhiều tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, minh chứng cho năng lực nghiên cứu và khả năng học thuật.

Điểm mạnh trong công tác của ứng viên là khả năng cân bằng giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ứng viên luôn nỗ lực hoàn thành tốt cả hai nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định tại Luật Giáo dục Việt Nam.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo:
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020			2 HV		208	60	268/352/270
2	2020-2021					346	60	406/424/243

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	2021-2022			1 HV		280	0	280/313/243
03 năm học cuối								
4	2022-2023					240	90	330/375/243
5	2023-2024			3 HV		0	300	300/522,5/266,5
6	2024-2025					24	255	279/406,5/290

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận án TS tại nước: Hàn Quốc năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Hải Phòng, số bằng: A214065 (số vào sổ 722); năm cấp: 2009

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Việt Nam; Đại học Giao thông vận tải TP. HCM, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: ...

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Văn bằng Cử nhân ngoại ngữ, ngành: Tiếng Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng (chỉ mới có thông tin HVCH và năm có bằng, còn tất cả thông tin còn lại đều chưa có)

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lê Văn Bình		X	X		Từ 30/09/2019 đến 31/12/2019	Đại học Giao thông vận tải TP. HCM	691/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/07/2020
2	Trần Văn Trọng		X	X		Từ 30/09/2019 đến 21/12/2020	Đại học Giao thông vận tải TP. HCM	93/QĐ-ĐHGTVT ngày 01/02/2021
3	Lê Thị Lâm Anh		X	X		Từ 16/05/2022 đến 22/3/2023	Đại học Giao thông vận tải TP. HCM	365/QĐ-ĐHGTVT ngày 18/4/2023
4	Nguyễn Mạnh Khang		X	X		Từ 04/10/2023 đến 01/06/2024	Đại học Giao thông vận tải TP. HCM	240819-05/QĐ-UTH-SĐH, ngày 19/8/2024
5	Ngô Văn Cường		X	X		Từ 30/11/2023 đến 01/06/2024	Đại học Giao thông vận tải TP. HCM	241023-05/QĐ-UTH-SĐH, ngày 23 tháng 10 năm 2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6	Hoàng Văn Phúc		X	X		Từ 6/12/2023 đến 19/10/2024	Đại học Giao thông vận tải TP. HCM	241218-01/QĐ- UTH-SĐH, ngày 18 tháng 12 năm 2024
---	----------------	--	---	---	--	--------------------------------	--	---

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Luật Hàng hải và công ước quốc tế	GT	2025	1	X	Toàn bộ sách	250417-01/QĐ-UTH- TT TTTV

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Những bài học từ đại dịch Covid 19 đối với thuyền viên Việt Nam và các giải pháp thích ứng đối với kịch bản tương tự trong tương lai	Chủ nhiệm	Mã số: KHTĐ2313, Cấp Trường	12 tháng	Ngày 28 tháng 6 năm 2024, Xếp loại: Khá
2	Khám phá các yếu tố thành công và triển vọng tương lai cho cảng hàng rời tại các nước đang phát triển: Nghiên cứu trường hợp điển hình Việt Nam	Chủ nhiệm	Mã số: KHTĐ2404, Cấp Trường	11 tháng	Ngày 26 tháng 5 năm 2025, Xếp loại: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm;
TK: Thư ký.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Estimating turning circle parameters for calculating ship domain and new algorithm in automatic collision avoidance https://drive.google.com/file/d/1wVXUlozen5z-9moczvzQCpQxIzGH5hNtO/view?usp=sharing	2	X	Proceedings of international Conference on Advanced Intelligent Maritime Safety and Technology ISSN: 2289-067X			Số 11/2015. Trang: 153-161	2015
2	The combination of analytical and statistical method to define polygonal ship domain and reflect human experiences in estimating dangerous. https://doi.org/10.1016/j.enavi.2016.06.009	2	X	International journal of e-Navigation and Maritime Economy ISSN: 2405-5352	ESCI	73	Số 4, 2016. Trang: 97-108	2016
3	An automatic collision avoidance system and optimal route by using consecutive waypoint generation method https://drive.google.com/file/d/1D2gUjOTBFmjt9X2GIH0SYdP-JNPtpL76/view?usp=sharing	2	X	Asia Navigation conference			Số 11/2016	2016
II Sau khi được công nhận TS								
4	A Study on the Construction of Stage Discrimination Model and Consecutive Waypoints Generation Method for Ship's Automatic Avoiding Action http://dx.doi.org/10.5391/IJFIS.2017.17.4.294	2	X	International Journal of Fuzzy Logic and Intelligent Systems ISSN: 1598-2645	Scopus (Q3, IF: 1.2; Citescore = 3.4)	10	Vol.17(4), 2017. Trang: 294-306	2017
5	The adoption of reasonable ship's velocity in	3	X	The Korean Society of			Vol. 11/2017	2017

	consecutive waypoint generation algorithm based on TOPSIS method https://koreascience.or.kr/article/CFKO201734662510260.pub?lang=en			Marine Environment and safety conference			Trang: 212-21	
6	Analysis on the Opportunities and Potential of Vietnam's Logistic Development in Metropolises https://koreascience.or.kr/article/CFKO201734662509825.pub	5	X	The Korean Society of Marine Environment and safety conference			Vol. 11/2017 Trang: 97-97	2017
7	A Study On The Evaluation Of Inland Container Depot In The South Of Vietnam https://koreascience.kr/journal/GHMHAH/y2018m11a.page	4		Proceedings of the Korean Institute of Navigation and Port Research Conference			Vol. 11/2018 152-154	2018
8	Khảo sát chi phí khai thác bình quân ngày tàu container tại khu vực cảng hải phòng: ứng dụng của lý thuyết bất định – Surveying on the average daily operating costs of container ship in Hai Phong port area: Application of uncertainty theory https://drive.google.com/drive/folders/11AX4ngG_DrDJMhESzdAU0PbtedJ4h0w7?usp=sharing	3		Tạp chí Bộ giao thông vận tải ISBN: 2354 - 0818			Số 6/2018, Trang 136-138	2018
9	Lập tuyến đường tránh va cho tàu biển áp dụng thuật toán Floyd- Collision-avoiding route by applying Floyd algorithm http://khen.vimaru.edu.vn/noi-dung/so-54-042018	3	X	Tạp chí Khoa học - công nghệ Hàng hải ISSN: 1859-316X			Số 54, 2018. Trang: 25- 29	2018
10	Nghiên cứu phương pháp phân tích thứ bậc đánh giá các cảng container nội địa – The study of employing analytic hierarchy process for evaluating inland container depots	1	X	Tạp chí Khoa học - công nghệ Hàng hải ISSN: 1859-316X			Số 55, 2018, Trang: 12-16	2018

	http://khn.vimaru.edu.vn/noi-dung/so-55-082018							
11	Ước tính yêu cầu chiều dài phao vây dầu trong ứng phó tràn dầu trên các vùng biển Việt Nam – Estimating required length of marine oil containment boom for oil spill response in Vietnamese waters http://khn.vimaru.edu.vn/noi-dung/so-55-082018	3		Tạp chí Khoa học - công nghệ Hàng hải ISSN: 1859-316X			Số 55, 2018, Trang 3-7	2018
12	The adoption of collision risk assessment employing Fuzzy evaluation method http://khn.vimaru.edu.vn/noi-dung/so-56-112018	4	X	The journal of Marine Science and Technology ISSN: 1859 - 316X			Số 56, Trang. 12-16	2018
13	Nghiên cứu lựa chọn cảm biến cho hệ thống giám sát nhiên liệu ứng dụng trên tàu thủy – A research to select the right sensor for the fuel monitoring system on the ship https://drive.google.com/file/d/1c-0BAv9x0HxJjTWLMUoQUjkw_R2RGL/view?usp=sharing	3		Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 2354 - 0818			Số 12/2019 Trang 121-123	2019
14	Đánh giá sai số hệ thống tự động đo lường tiêu thụ nhiên liệu tàu biển sử dụng nguyên lý coriolis - Error assessment of vessel fuel monitoring system using coriolis principle https://drive.google.com/file/d/1Q_0arsyEY80sNyU0pahzTgFu1ZcpcDNk/view?usp=sharing	3	X	Tạp chí Khoa học công nghệ Giao thông Vận tải ISSN: 1859-4263			Số 37 8/2020 Trang 81 - 86	2020
15	Đánh giá các mô hình và ứng dụng của vùng nguy hiểm xung quanh tàu trong việc đảm bảo an toàn hàng hải – The study of model and application of ship domain in maritime safety http://www.tapchigiaothong	1	X	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 2354-0818			Số 09/2020. Trang 111-113	2020

	vn/tap-chi-giao-thong-thang-9-2020-i126.html							
16	Evaluating Vietnamese seafarer's competence: an empirical research from a multi-criteria approach https://doi.org/10.1007/s13437-021-00249-9	3		WMU Journal of Maritime Affairs ISSN: 651436X, 16541642	Scopus (Q2, IF: 2.4; Citescore = 5.8)	1	Vol. 20, 2021. Trang: 413-433,	2021
17	Đề xuất mô hình đánh giá rủi ro khi cho thuê tàu khai thác ở Trung Đông – The suggestion of risk assessment model for ship chartering in middle east countries https://tapchigiaothong.qlns.mediacdn.vn/481400261263945728/2022/11/3/noi-dung-tc-gtvt-t92021-1667465486005740082631.pdf	2	X	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 2354-0818			Số 09, 2021. Trang 172-175	2021
18	Áp dụng phương pháp dự đoán vị trí trong việc xác định vùng nguy hiểm xung quanh tàu - applying position prediction method in ship domain determination https://doi.org/10.55228/JTS.T.10(3).131-135	1	X	Tạp chí Khoa học công nghệ Giao thông Vận tải ISSN: 1859-4263			Số 42 08/2021. Trang 131-135	2021
19	Thử nghiệm đánh giá tự động các yếu tố gây ô nhiễm thông qua hệ thống giám sát tiêu thụ nhiên liệu tàu biển - Automatic assessment experiment of emission factors processed by vessel fuel monitoring system https://tapchigiaothong.qlns.mediacdn.vn/481400261263945728/2022/11/3/noi-dung-tc-gtvt-t10-16674647803481696301684.pdf	2	X	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 2354-0818			Số 10/2021. Trang 148-152	2021
20	Áp dụng phương pháp phân tích đa tiêu chí kết hợp lý thuyết mờ trong đánh giá tru	1	X	Tạp chí Khoa học công nghệ Hàng hải			Số 68, 11/2021. Trang	2021

	thể vị trí trung tâm logistics được đề xuất tại TP. HCM - Applying fuzzy analytic hierarchy process method for location priority evaluation of logistics centers suggested in HCM city http://www.khcn.vimaru.edu.vn/noi-dung/so-68-112021			ISSN: 1859-316X			85-89	
21	Đề xuất phương pháp tự động đường đi cho xe nâng trong kho hàng ICD - The suggestion of an automatic method for forklifts in the warehouse of ICD https://tapchigiaothong.vn/tap-chi-giao-thong-thang-11-2021-i152.html	2	X	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN: 2354-0818			Số 11/2021. Trang: 165-168	2021
22	Thực trạng nghiên cứu tác động của đại dịch Covid-19 tới thuyền viên trên thế giới và khảo sát liên quan tới những khó khăn trong công tác thay thế thuyền viên Việt Nam. https://tapchigiaothong.qitns.mediacd.vn/tapchigiaothong.vn/pdf/thang-4-2022.pdf	3	X	Tạp chí Giao thông Vận tải ISSN 2354-0818			Số 04/2022. Trang: 161-164	2022
23	Examining applications of 4.0 technologies in the maritime industry: A structured literature review https://drive.google.com/drive/folders/1BiCtPk6yyGKe5DAv30n9WTzMmYi2NU0D?usp=sharing	4		International Conference on Advanced Intelligent MAritime Safety and Technology Conference			Số 11/2023	2023
24	Tác động của đại dịch đến tâm lý thuyền viên Việt Nam làm việc trên biển dài ngày và vai trò của yếu tố gia đình https://www.doi.org/10.55228/JTST.12(5).1-7	2	X	Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISSN: 1859-4263			Vol. 12/2023 Trang: 1 – 7	2023
25	Mô hình định tuyến xanh sử dụng vận tải đa phương thức và mạng lưới ICD https://www.doi.org/10.55228/JTST.12(4).75-82	2	X	Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISBN: 1859-4263			Số 12/2023. Trang: 75 – 82	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

26	Role of green logistics in construction of sustainable supply chains: application trends and future directions https://doi.org/10.2478/pomr-2023-0052	5		Polish Maritime Research ISSN: 1233-2585	ISI (SCIE, Q2, IF:2)	19	Vol. 30, 2023 Trang 191-211	2023
27	Leveraging Artificial Intelligence to Enhance Port Operation Efficiency https://doi.org/10.2478/pomr-2024-0030	5	X	Polish Maritime Research ISSN: 1233-2585	ISI (SCIE, Q2, IF:2)	9	Vol. 31(2) Trang 140-155	2024
28	Perceived concerns, impacts, and adaptations of Vietnamese seafarers during the crew change crisis amid the COVID-19 pandemic https://doi.org/10.1007/s13437-023-00324-3	6	X	WMU Journal of Maritime Affairs ISSN 1651436X, 16541642	Scopus (Q2, IF: 2.4; Citescore = 5.8)	3	Vol. 23(3). Trang 49-71	2024
29	Đề xuất phương pháp mô hình hóa rủi ro va chạm tàu thuyền trong vận tải hàng hải dựa trên logic mờ có xem xét tới ảnh hưởng góc tiếp cận của tàu https://www.doi.org/10.55228/JTST.12(6).21-27	3		Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISSN: 1859-4263			Vol. 12 Trang 21-27	2023
30	Assessing ship collision risks in maritime transport based on seafarers' experience https://www.doi.org/10.55228/JTST.13(1).97-106	3	X	Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISSN: 1859-4263			Tập 13 Số 1 Trang 97-106	2024
31	Development of a decision-making system for transportation in remote inter-island area https://www.doi.org/10.55228/JTST.13(1).116-125	5		Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISSN 1859-4263			Tập 13 Số 1 Trang 116 – 125	2024
32	Enhancing target detection capability of the vessel traffic service (VTS) system on the Cai Mep - Thi Vai channel https://www.doi.org/10.55228/JTST.13(2).79-87	2	X	Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISSN 1859-4263			Tập 13 Số 2. Trang 79 – 87	2024
33	Nghiên cứu bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ cảng biển Việt Nam https://www.doi.org/10.55228/JTST.13(3).96-110	2	X	Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISSN 1859-4263			Tập 13 Số 3 Trang 96 – 110	2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

34	Đánh giá mức độ ứng dụng và tầm ảnh hưởng từ các công nghệ nền tảng của CMCN 4.0 tới dịch vụ vận tải Việt Nam https://www.doi.org/10.5522/8/JTST.13(4).27-38	2	X	Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISSN 1859-4263			Tập 13 Số 4 Trang . 27 – 38	2024
35	Nghiên cứu rủi ro trong công tác khai thác đội tàu dầu - hóa chất: Tổng quan các nghiên cứu https://www.doi.org/10.5522/8/JTST.13(5).85-106	3	X	Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISSN 1859-4263			Tập 13 Số 5 Trang 85 – 106	2024
36	Identifying the key factors contributing to the detention of Vietnam vessels due to non-compliance with solas 74 engine room safety requirements https://tapchigiaothong.qlns.mediacd.vn/481400261263945728/2024/10/7/dt-7-2024-1728268621879512712058.pdf	1	X	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Tập 64 Số 7 Trang 157-159	2024
37	Xu thế đầu tư vào các công nghệ IoT, AI, Blockchain, Big data trong lĩnh vực vận tải và logistics tại Việt Nam https://www.doi.org/10.5522/8/JTST.14(1).71-83	2	X	Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISSN 1859-4263			Tập 14 Số 1 Trang: 71 – 83	2025
38	Exploring entrepreneurial actions of logistics firms for achieving success: An application of entrepreneurial action theory https://doi.org/10.1016/j.cstp.2025.101429	5		Case Studies on Transport Policy ISSN 2213-624X	Scopus (Q1, IF: 2.4 Citescore = 6.0)		Vol. 20 ID 101429	2025
39	Forecasting and Feature Analysis of Ship Fuel Consumption by Explainable Machine Learning Approaches https://doi.org/10.2478/pomr-2025-0008	7	X	Polish Maritime Research ISSN 12332585, 20837429	ISI (SCIE, Q2, IF:2)	1	Số 1/2025 Trang: 81-94	2025
40	A Comprehensive Analysis of Break Bulk Port Efficiency Using an Analytic Network Process Model	9	X	International journal on informatics visualization, ISSN	Scopus (Q3, Citescore = 2.0)		Vol. 9 No. 2 Trang: 464-481	2025

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

	http://dx.doi.org/10.62527/joiv.9.2.3881			2549-9904				
41	Hybrid Renewable Energy System Design for a Green Port Using HOMER Pro: A Techno-Economic Assessment https://doi.org/10.61435/ijred.2025.61344	7	X	International Journal of Renewable Energy Development ISSN 2252-4940	Scopus (Q2, IF: 2.5 Citescore 4.5)		Tập 14 Số 4 Trang 767 -780	2025
42	Đánh giá chiến lược phát triển dịch vụ giá trị gia tăng tại cảng biển Việt Nam áp dụng phương pháp phân tích thứ bậc https://www.doi.org/10.55228/JTST.14(3).139-150	1	X	Khoa học công nghệ giao thông vận tải ISSN 1859-4263			Tập 14 Số 3 139-150	2025
43	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ vận tải hành khách tại Thành phố Hồ Chí Minh. https://ctst.ut.edu.vn/ky-yeu-hoi-thao/	5	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia lần vi: khoa học và công nghệ giao thông vận tải 2025 – CTST 2025 ISBN: 978-604-76-3107-0			Số 5/2025, Trang 387 - 391	2025
44	Áp dụng phương pháp ANP để đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố rủi ro quản lý chi phí và nguồn thu đối với mục tiêu chất lượng vận tải trong công tác khai thác đội tàu dầu - hóa chất tại các doanh nghiệp phía Nam Việt Nam https://ctst.ut.edu.vn/ky-yeu-hoi-thao/	4	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia lần vi: khoa học và công nghệ giao thông vận tải 2025 – CTST 2025 ISBN: 978-604-76-3107-0			Số 5/2025 Trang 392-398.	2025
45	Vai trò của yếu tố chi phí ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn vị trí cảng cạn tại miền Nam Việt Nam https://ctst.ut.edu.vn/ky-yeu-hoi-thao/	4	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia lần vi: khoa học và công nghệ giao thông vận tải 2025 – CTST 2025 ISBN: 978-604-76-3107-0			Số 5/2025 Trang 442 – 448	2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 6 bài [4], [27], [28], [39], [40], [41].

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Khoa học hàng hải: Chuyên ngành Quản lý cảng và Logistics.	Thường trực, Thư ký	558/QĐ-ĐHGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2021	Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh	117/QĐ-ĐHGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2022	
2	Chương trình đào tạo Khoa học hàng hải: Chuyên ngành Luật và Chính sách hàng hải.	Thành viên	558/QĐ-ĐHGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2021	Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh	117/QĐ-ĐHGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

- Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):-

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): **Đủ** (Ứng viên đủ thâm niên đào tạo theo quy định)

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Đủ** (Ứng viên đủ giờ giảng dạy quy đổi theo quy định)

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Đủ** (Ứng viên đủ giờ giảng dạy quy đổi theo quy định)

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT: **Đủ** (Ứng viên đã hướng dẫn chính **06** học viên cao học đã được cấp bằng Thạc sĩ)

c) Nghiên cứu khoa học

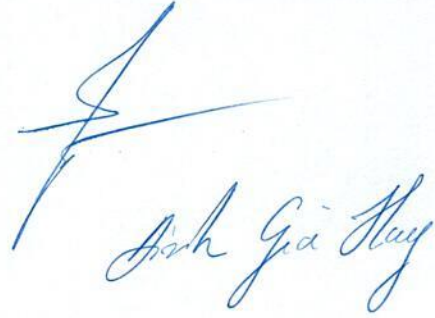
- Đã chủ trì **02** nhiệm vụ KH&CN cấp Cơ sở (Ứng viên chức danh PGS)

- **Đủ** số công trình là Tác giả chính

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:** Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách
nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Đinh Gia Huy